

QUAN NIỆM MỚI VỀ QUYỀN TIẾP CẬN CÔNG LÝ VÀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐẢM BẢO QUYỀN TIẾP CẬN CÔNG LÝ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Cao Phan Long

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Công lý và quyền tiếp cận công lý là ước vọng của con người về một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, tiến bộ, vì con người. Lịch sử hình thành và phát triển xã hội loài người luôn đặt ra vấn đề làm sao đạt được công lý mỗi khi con người gặp phải các trắc trở, khó khăn hay rơi vào hoàn cảnh bị đối xử bất công. Quyền tiếp cận công lý truyền thống đã có một số điểm mới trong giai đoạn hiện nay. Từ những nhận thức về quyền tiếp cận công lý trong bối cảnh hiện nay có thể rút ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các hệ thống pháp luật có liên quan.

Từ khóa: Công lý, quyền tiếp cận công lý.

Nhận bài ngày 3.1.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 20.1.2023

Liên hệ tác giả: Cao Phan Long; Email: cplong@daihocthudo.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công lý và quyền tiếp cận công lý là một thuật ngữ chuyên ngành mới trong thời gian gần đây, được hiểu như là quyền được xét xử công bằng của người dân, tức là gắn chặt với các hoạt động “xét xử” hay hoạt động “tư pháp”. Trong những năm gần đây, hiệu quả hoạt động của hệ thống tư pháp ở Việt Nam không được đánh giá cao, thậm chí còn gây mất uy tín trong lòng người dân. Bởi nguyên nhân trước hết là hệ thống pháp luật chưa bảo đảm được cho người dân thực hiện triệt để quyền tiếp cận công lý của mình, sau đó là sự suy giảm lòng tin đối với cách hành xử của các chủ thể của hoạt động tư pháp. Nhà nước từ khi ra đời trong xã hội loài người là một thiết chế đã mang sẵn sứ mệnh phục vụ cho nhu cầu tìm kiếm công lý của con người, có nghĩa vụ đảm bảo cho con người tiếp cận công lý để hướng tới một xã hội ngày càng văn minh, tiến bộ và nhân văn hơn. Chính vì vậy, nhà nước cần thể hiện vai trò đảm bảo trọng trách của mình trong việc cung cấp các công cụ, phương tiện cho người dân tiếp cận công lý và đạt được công lý mỗi khi gặp phải bất đồng, xung đột, trở ngại và bất công. Xét theo khía cạnh đó, tiếp cận công lý vừa là một trạng thái của xã hội, vừa là một đòi hỏi, vừa là nghĩa vụ của nhà nước trong việc tổ chức, thực thi, bảo vệ pháp luật, tạo điều kiện cho các chủ thể nói chung (trong đó cũng có cả nhà nước) mà quan trọng nhất là cá nhân (con người) nói riêng được tiến lại gần hơn lẽ phải và sự công bằng theo đúng nghĩa đen của nó.

Quyền tiếp cận công lý (*access to justice*) là một trong những quyền con người đề cập đến khả năng mọi chủ thể đều có cơ hội bình đẳng và dễ dàng trong việc tiếp cận đến công lý, đạt được lẽ phải và sự công bằng. Quyền tiếp cận công lý đã được nhắc đến trong tư tưởng của các triết gia, các nhà chính trị từ rất xa xưa trong lịch sử nhân loại, trong nhà nước Hy Lạp và La Mã cổ đại, và nó là giá trị được mọi nhà nước và người dân quan tâm không phụ thuộc vào quan điểm hay thể chế chính trị và giai đoạn lịch sử nào.

2. NỘI DUNG

2.1. Quan niệm về công lý và quyền tiếp cận công lý

2.1.1. Quan niệm về công lý

Như đã nói ở trên, quan niệm về công lý đã xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử văn minh nhân loại. Trong nền văn minh Hy Lạp cổ đại, công lý được cho rằng bắt nguồn từ trật tự xã hội, một xã hội ổn định, có trật tự sẽ thúc đẩy sự phát triển của công lý và ngược lại, một nền công lý mạnh mẽ sẽ thúc đẩy một xã hội trật tự, ổn định. Plato, triết gia vĩ đại của Hy Lạp, trong Quyển IV tác phẩm Luật pháp, khi bàn về cuộc sống đức hạnh, Platon cho rằng, công lý hay những nguyên tắc tôn giáo cùng những đạo đức đóng vai trò dẫn dắt cuộc sống của họ: *“Này các bạn, Thượng đế, theo truyền thuyết, nắm giữ trong tay Ngài cái đầu, cái giữa và cái cuối của mọi sự vật, nghĩa là chúng vận hành theo luật tự nhiên do Ngài xếp đặt trên một đường thẳng cho đến lúc kết thúc. Công lý luôn đi theo Ngài và sẽ trừng phạt những kẻ không thực hành đến nơi đến chốn luật của Thượng đế, ... hấn bị luận phạt vì công lý không có gì khác hơn là phải thuận nhận mà thôi”* [1, tr. 818]. Như vậy, khi nói về pháp luật, Platon nhấn mạnh đến luật tự nhiên, theo đó, công lý với nghĩa trừng phạt những kẻ vi phạm luật tự nhiên cũng mang tính tự nhiên. Ngoài ra, sự “thuận nhận” hay “tâm phục khẩu phục” cũng mang lại ý nghĩa tốt đẹp cho công lý. Tức là kẻ làm sai cũng nhận thấy cái sai của mình và vui vẻ, chấp thuận mà đồng ý với biện pháp trừng phạt áp dụng đối với mình. Đây là sự khác nhau giữa “trừng phạt” theo nghĩa thông thường và “trừng phạt” của “công lý tự nhiên”. Trừng phạt theo nghĩa thông thường, có thể hiểu là sự trừng phạt theo quy định của pháp luật, do nhà làm luật quy định, kẻ làm điều sai có thể không “thuận nhận”.

Một trong những nhà tư tưởng có quan niệm về công lý ở Phương Tây cổ đại là Aristotle, vị triết gia mà ảnh hưởng và uy tín của ông mang tính quốc tế và vượt lên trên mọi trường phái, thì công lý được chia thành “công lý cải tạo” - nơi mà toà án với các quyết định của mình nhằm sửa chữa một lỗi lầm do một bên gây ra đối với bên khác và “công lý phân phối”, cách thức phân chia thành quả làm ra để công bằng với mỗi người, đúng theo những gì mà người đó xứng đáng được hưởng. Theo Aristotle, công lý phân phối chính là mối quan tâm chủ yếu, hàng đầu của các nhà lập pháp. Tuy nhiên, cũng cần nhấn mạnh rằng luật pháp và công lý là hai khái niệm không hoàn toàn đồng nhất, thậm chí, trong một số xã hội, luật pháp đôi khi đi lệch hướng hoặc đối nghịch với công lý. Ở phương Đông cổ đại, bộ luật Hammurabi (khoảng năm 1750 tr.cn và hiện là văn bản luật cổ nhất của con người được bảo tồn khá tốt). Vua là người được các vị thần trao cho trọng trách giữ gìn công lý trong xã hội. Theo đó, “vì hạnh phúc loài người, thần Anu và thần Enlil đã ra lệnh cho trăm, Hammurabi, một vị vua quang minh và ngoan đạo trăm, phát huy chính nghĩa ở đời, diệt trừ những kẻ gian ác không tuân theo pháp luật, làm cho kẻ mạnh không hà hiếp người yếu”. Công lý được định ra để *“định chỉ phân tranh làm cho đất nước được hưởng thái bình, nơi ăn chốn*

ở của nhân dân được che chở, không có gì phải lo âu sợ hãi”. Công lí được đặt ra “Để cho người mạnh không hà hiếp kẻ yếu, để cho những người cô quả có chỗ nương tựa ở thành Babilon, nơi mà vị thủ lĩnh của nó được thần Anu và thần Enlin khen ngợi, ở đền Exajin mà nền móng của nó lâu bền cùng với trời đất, để cho toà án trong nước tiện việc xét xử, để cho sự tuyên án trong nước tiện việc quyết định, để cho những kẻ bị thiệt thòi được trình bày chính nghĩa”.

Trong lịch sử tư tưởng hiện đại, công lí cũng được quan tâm và là vấn đề trong nhiều công trình khoa học của các nhà tư tưởng. John Rawls (1921-2002), nhà triết học chính trị hàng đầu và đại biểu nổi tiếng của chủ nghĩa tự do của Mỹ trong tác phẩm “Một lý thuyết về công lí” (*A Theory of Justice*) đã đề cập công lí là cái đặc tính đầu tiên của các thể chế xã hội, cũng như chân lí là đặc tính của hệ tư tưởng. Đối với Rawls, cái thiện trước hết và dứt khoát phải là cái đúng, cũng như thể cái công lí là đúng, là thiện, là sự hoàn thiện tối cao trong những trật tự khác nhau của nhận thức, chúng giúp cho mỗi người nhận thấy một cách chính xác lợi ích riêng của mình trong mọi tình huống, chúng bổ sung cho nhau, tôn vinh nhau và là điều kiện không thể thiếu được của cuộc sống. Coi công lí như là công bằng - một phẩm hạnh trọn vẹn, một đặc tính của các thể chế xã hội, Rawls đã theo sát ý tưởng của Kant về Lí tính thực tiễn, mà xa hơn nữa là ý tưởng của Platon và Aristote về luân lí. Với ý nghĩa này, công lí là niềm tin của luật pháp, là hạt nhân của đạo đức và là điều kiện tiêu quyết của xã hội công dân.

Công lí cũng được định nghĩa trong cuốn từ điển Luật Black: “*Công lí là sự công bằng và hợp lí, với ba ý niệm cơ bản: sự nhấn mạnh về tầm quan trọng cá nhân, yêu cầu các cá nhân phải được đối xử một cách phù hợp, không thiên vị và bình đẳng*” [3, tr 447]. Theo Từ điển Luật học (1999), “*Công lí có nghĩa là lẽ phải, lẽ công bằng, phù hợp với pháp luật đương thời, không thiên lệch, không tư vị. Chế độ nào cũng coi tòa án là tượng trưng cho công lí, là cơ quan công lí của chế độ ấy*”. [2, tr.108,109].

Ở Việt Nam hiện nay, trong lĩnh vực tư pháp, công lí và bảo vệ công lí được xác định là một trong những mục tiêu cơ bản của Chiến lược cải cách tư pháp của Việt Nam đến năm 2020. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020 và Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã khẳng định yêu cầu xây dựng cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lí và quyền con người. Chiến lược cũng xác định rõ mục tiêu xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh và bảo vệ công lí. Thủ tục hành chính trong các cơ quan tư pháp cần tiếp tục được đổi mới nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận công lí. Các thủ tục, quy trình tố tụng cần tiếp tục được rà soát, hoàn thiện nhằm tạo một cơ chế tiếp cận công lí hữu hiệu, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam. Như vậy, khái niệm công lí trong Chiến lược cải cách tư pháp là công lí trong lĩnh vực tư pháp xét xử. Công lí ở đây được hiểu là yêu cầu xử lí các vụ việc bằng các thủ tục tố tụng công bằng, hợp pháp nhằm bảo vệ lợi ích của xã hội và bảo vệ các quyền con người một cách nghiêm minh. Công lí trong tư pháp xét xử không chấp nhận hiện tượng còn để xảy ra tình trạng oan, sai trong điều tra, bắt, giam giữ, truy tố và xét xử. Công lí trong tư pháp xét xử cũng đòi hỏi sự đồng thuận cao của xã hội đối với cơ chế tố tụng, cơ quan tư pháp và các bản án, quyết định của cơ quan tư pháp. Các giá trị cao cả của lẽ phải, đạo lí, lương tâm,

lương tri, đạo đức, sự vị tha, lòng trắc ẩn và các giá trị tiên bộ xã hội khác cần phải là điểm tựa, là các chuẩn mực để soi rọi các bản án, quyết định của cơ quan tư pháp.

2.1.2. Quyền tiếp cận công lý và quan điểm mới về quyền tiếp cận công lý

Quyền tiếp cận công lý (*access to justice*) là một khái niệm đang còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau. Các luật sư Mỹ cho rằng quyền tiếp cận công lý là quyền có luật sư về dân sự cho tất cả các cá nhân. Theo quan điểm của Liên hợp quốc, *“tiếp cận công lý vừa là quyền cơ bản của con người vừa là phương tiện để thực hiện các quyền con người khác”* [4, tr 1]. Có thể nói quyền tiếp cận công lý là quyền được bảo đảm thực hiện bởi pháp luật để bảo vệ cho con người khỏi những thiệt hại do người khác gây ra trong các tranh chấp và xung đột về lợi ích, nhằm mục đích khắc phục những tổn hại phát sinh do những tranh chấp đó gây ra, ví dụ như những biện pháp đền bù và bồi thường. PGS.TS Phạm Hồng Hải thì quan niệm: *“Quyền tiếp cận công lý là quyền của cá nhân, cơ quan, tổ chức được biết về quá trình giải quyết các tranh chấp kinh tế, dân sự, hành chính, lao động và các vụ án khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”* [5]. Theo quan niệm truyền thống, hệ thống tư pháp của các quốc gia là thiết chế chính có nhiệm vụ đảm bảo cho người dân có quyền được tiếp cận công lý khi có tranh chấp hay thiệt hại xảy ra. Các cơ quan tư pháp không phải là duy nhất nhưng đóng vai trò quan trọng nhất trong việc đảm bảo quyền lợi một cách công bằng cho người dân khi họ gặp tranh chấp hay rủi ro. Từ quan niệm này, Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) đã đưa ra một khái niệm về tiếp cận công lý là: *“Khả năng của con người trong việc tìm kiếm và yêu cầu một biện pháp bảo vệ cho quyền lợi của mình thông qua cơ quan tư pháp chính quy hoặc không chính quy, trên tinh thần tuân thủ các tiêu chuẩn của quyền con người”* [6, tr 5]. Theo UNDP, tiếp cận công lý cũng chính là một quyền trong các quyền cơ bản của con người. Không chỉ có vậy, quyền tiếp cận công lý chính là phương tiện để xóa đói giảm nghèo và phòng chống xung đột trong xã hội.

Các yếu tố cấu thành quyền tiếp cận công lý cũng có những quan điểm khác nhau, theo UNDP, ba yếu tố là nền tảng để đảm bảo quyền tiếp cận công lý được thực thi đó là:

Thứ nhất, sự bảo vệ pháp lý, đây là nền tảng đầu tiên để đảm bảo tiếp cận công lý, bởi vì chỉ khi có một khuôn khổ các quyền và nghĩa vụ pháp lý, mọi người mới có cơ sở tìm kiếm sự đền bù cho những thiệt hại mà họ đang gặp phải một cách hợp pháp và công bằng. *Thứ hai*, khuôn khổ thiết chế, khuôn khổ thiết chế về tiếp cận công lý không chỉ được tạo lập bởi hệ thống tư pháp chính quy (như: tòa án, các cơ quan công tố, các cơ quan điều tra,...) mà còn bởi hệ thống tư pháp không chính quy và một hệ thống cơ quan giám sát (các tổ chức xã hội, các cơ quan dân cử,...). Nhiệm vụ chung của các cơ quan này chính là để đưa ra những giải pháp giải quyết tranh chấp công bằng theo pháp luật, và mỗi cơ quan sẽ có những vai trò cụ thể khác nhau trong việc đảm bảo tiếp cận công lý. *Thứ ba*, là “khả năng đòi hỏi và theo đuổi vụ việc của quần chúng”, đối với yếu tố thứ ba này cần có hai yếu tố cơ bản liên quan, đó là sự hiểu biết pháp luật của quần chúng và hệ thống trợ giúp, tư vấn pháp lý. Quần chúng cần có kiến thức và sự hiểu biết về các quyền và cơ chế bảo vệ quyền thì mới có đủ khả năng thực hiện tiếp cận công lý. Đồng thời, Nhà nước và các tổ chức xã hội cũng phải có trách nhiệm trong việc bảo đảm giáo dục, tuyên truyền và hỗ trợ cho hoạt động tiếp cận công lý của quần chúng để hoạt động tiếp cận công lý được đảm bảo thực thi một cách có hiệu quả và công bằng [7, tr 190]. Còn theo TS. Đinh Thế Hưng, “quyền tiếp cận công lý

được thể hiện ở 5 nội dung: “*Nhà nước pháp quyền, quyền trợ giúp pháp lý, quyền giáo dục đào tạo pháp luật, quyền được biết thông tin pháp luật và một hệ thống tư pháp công bằng và hiệu quả*” [8, tr 14].

Như vậy, theo các quan điểm nêu trên, quyền tiếp cận công lý được thể hiện thông qua một hệ thống pháp luật công bằng, minh bạch, khả thi; sự hiểu biết và tiếp cận các thông tin pháp luật dễ dàng; các thiết chế hỗ trợ để tiếp cận công lý vừa mang tính công quyền và dân sự như: cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, luật sư và các hình thức trợ giúp pháp lý khác; thủ tục tiếp cận công lý đơn giản, nhanh chóng, dễ dàng; thiết chế công lý chính thức, chủ yếu là cơ quan tư pháp mà tập trung ở Tòa án có sự cải thiện theo chiều hướng nhằm đảm bảo thực thi quyền tư pháp độc lập, khách quan, công bằng, minh bạch để đảm bảo cho các chủ thể quyền tiếp cận công lý. Trong một nghiên cứu tương đối hệ thống và tổng quát, quan điểm mới về quyền tiếp cận công lý được UNDP đưa ra so sánh cụ thể như sau:

Bảng 1. Hai quan điểm về tiếp cận công lý

Tiêu chí so sánh	Quan điểm truyền thống	Quan điểm mới	Những giá trị được bổ sung
Nhận dạng	Tiếp cận công lý là quyền của mọi người có thể sử dụng các dịch vụ pháp lý công và tư để có thể được xét xử công bằng	Tiếp cận công lý là quyền của mọi người có thể tìm kiếm và đạt được một sự đền bù hoặc khắc phục cho những bất công hoặc thiệt hại do cá nhân hay chủ thể khác gây ra, thông qua các cơ chế tư pháp chính thức hoặc không chính thức, phù hợp với các nguyên tắc và tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người	Coi mục tiêu của tiếp cận công lý là sự đền bù/khắc phục cho những bất công/thiệt hại, chứ không đơn thuần là việc sử dụng các dịch vụ pháp lý. Vận dụng cả hai hệ thống tư pháp chính thức và không chính thức.
Các nhóm trọng tâm	- Quần chúng nói chung - Người nghèo	- Người nghèo - Các nhóm bản địa và thiểu số - Người nhập cư, người vô gia cư - Người khuyết tật - Người sống chung với HIV/AIDs	Coi sự phân biệt đối xử như là nguyên nhân gốc rễ của sự bất công trong tiếp cận công lý và tập trung hỗ trợ các nhóm xã hội bị phân biệt đối xử.
Phạm vi tác động	Chủ yếu là các thiết chế tư pháp, nhằm đảm bảo được quyền xét xử công bằng.	Nhiều thiết chế, nhằm vào ba lĩnh vực chính: (i) thừa nhận sự đền bù/khắc phục cho những bất công/thiệt hại; (ii) tăng cường khả năng của người dân trong việc nhận biết và theo đuổi sự đền bù/khắc phục; và (iii) tăng cường khả năng cung cấp sự đền bù/khắc phục của các cơ quan tư pháp	Phân biệt giữa chủ thể thỉnh cầu với chủ thể có nghĩa vụ đáp ứng và cụ thể hóa khả năng của mỗi dạng chủ thể.

		chính thức và không chính thức.	
Chiến lược thúc đẩy	Phát triển năng lực thể chế, đặc biệt là về quản lý và cơ sở hạ tầng của tòa án, kỹ năng xây dựng pháp luật và nghiệp vụ tư pháp	- Chỉ coi phát triển năng lực thể chế như là cách thức để xóa bỏ những cản trở trong việc tiếp cận công lý chứ không phải là mục đích cuối cùng. - Thừa nhận và đặt vấn đề tiếp cận công lý trong sự tác động qua lại với các hoạt động phát triển.	- Tính đến cả sự phát triển về năng lực xã hội, năng lực thể chế và năng lực cá nhân. - Tiếp cận công lý hỗ trợ các mục tiêu phát triển khác và là điểm khởi đầu cho các hoạt động phát triển khác.

Như vậy, quan điểm mới về quyền tiếp cận công lý không chỉ dừng lại ở việc đảm bảo quyền này trong phạm vi thông thường, thông qua các công cụ, phương tiện truyền thống cũng như nhìn nhận về thúc đẩy quyền tiếp cận công lý theo xu hướng trước đây, mà hiện nay tiếp cận công lý được nhìn nhận trong xu hướng phát triển, đổi thay của xã hội cũng như sự nhận thức về tiếp cận công lý mới. Giữa công lý và quyền tiếp cận công lý có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau, tác động lẫn nhau trong một chỉnh thể thống nhất. Công lý có thể được coi là một giá trị xã hội với nội dung là sự công bằng, lẽ phải, phù hợp với các giá trị nhân đạo, tiến bộ, hợp lý, được pháp luật và xã hội thừa nhận. Quyền tiếp cận công lý là một trong những quyền con người, thể hiện khả năng mà mỗi cá nhân trong xã hội, dù sống ở thời đại nào, quốc gia nào cũng phải có khả năng đạt được các giá trị của công lý và nhà nước là một thiết chế có trách nhiệm chính trong việc đảm bảo cho con người đạt được các giá trị đó. Như vậy, có thể coi công lý là nội dung thể hiện các giá trị công bằng, lẽ phải, đạo lý, còn quyền tiếp cận công lý là các phương tiện, công cụ, hình thức để đạt được các giá trị đó.

2.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về đảm bảo quyền tiếp cận công lý ở Việt Nam hiện nay

Hiến pháp năm 2013 nhắc đến công lý trong quy định tại khoản 3 Điều 102: “*Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân*”. Để đạt được điều đó, Tòa án nhân dân cần thực hiện hoạt động xét xử trên nền tảng là hệ thống pháp luật thể hiện rõ các giá trị về lẽ phải, công bằng, văn minh, nhân đạo cũng như hệ thống pháp luật để đảm bảo cho người dân dễ dàng tiếp cận đến các giá trị đó, dưới sự đảm bảo của nhà nước và các thiết chế xã hội khác. Một trong những nhiệm vụ mà Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng đưa ra là: “*Xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận, đủ khả năng điều chỉnh các quan hệ xã hội, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm trung tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo*”. Chính vì vậy, nhu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm các quyền dân sự và chính trị có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện quyền con người, quyền công dân trên lĩnh vực dân sự, chính trị, hay cụ thể là bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận công lý đang được đặt ra. Trước hết, cần rà soát hệ thống pháp luật hiện

hành, xác định những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung để tạo cơ sở pháp lý vững chắc đảm bảo quyền thực hiện tiếp cận công lí. Trong việc rà soát hệ thống pháp luật cần kiểm tra, đánh giá về số lượng, chất lượng các văn bản pháp luật qua từng giai đoạn, thời kì. Trên việc rà soát tiến tới hệ thống hóa, pháp điển hóa để từ đó kế thừa, phát triển, xây dựng mới.

Ngoài ra, có thể thực hiện một số giải pháp cụ thể sau:

Một là, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự phù hợp với yêu cầu, nội dung của cải cách tư pháp, bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận công lí của người dân, cụ thể là các quy định về tạm giam, tạm giữ, quyền bào chữa, các quy định về bắt khẩn cấp, áp dụng các biện pháp ngăn chặn, bồi thường thiệt hại, oan sai,... Cần hoàn thiện Bộ luật tố tụng dân sự, tố tụng hành chính theo định hướng tạo cơ sở pháp lý cho công dân và các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội bảo vệ quyền và lợi ích hợp lí của mình. Tiếp tục hoàn thiện thủ tục tố tụng dân sự. Nghiên cứu thực hiện và phát triển các loại hình dịch vụ từ phía nhà nước để tạo điều kiện cho các đương sự chủ động thu thập chứng cứ chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đổi mới thủ tục hành chính trong các cơ quan tư pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận công lí; người dân chỉ nộp đơn đến tòa án, tòa án có trách nhiệm nhận và thụ lí đơn.

Hai là, nghiên cứu kết hợp và ban hành chung một bộ luật tố tụng đối với cả bốn loại án hình sự, kinh tế, dân sự và hành chính. Bởi hiện nay, sự khác biệt về thủ tục tố tụng hình sự với thủ tục tố tụng dân sự, tố tụng kinh tế, tố tụng lao động, tố tụng hành chính là rõ ràng thì tố tụng dân sự, tố tụng kinh tế, tố tụng lao động, tố tụng hành chính lại có những điểm cơ bản giống nhau. Việc này bắt nguồn từ bản chất của vụ án dân sự, kinh tế, hành chính và tranh chấp lao động đều liên quan đến quyền lợi cá nhân, chứ không liên quan trực tiếp đến lợi ích của Nhà nước. Do vậy, đặc trưng của những thủ tục tố tụng các vụ án này là sự tự chứng minh của đương sự. Khi đương sự thực hiện nghĩa vụ này, thì Tòa án mới có cơ sở để bảo vệ những quyền lợi mà đương sự yêu cầu. Ngay cả với vụ án hành chính, việc giải quyết mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước và công dân cũng không làm cho Tòa án phải tham gia vào việc chứng minh vì lợi ích của Nhà nước (phải chứng minh hoạt động của cơ quan nhà nước đó là đúng). Trong vụ án này, cơ quan nhà nước cũng là đương sự và phải thực hiện nguyên tắc chứng minh. Nếu cơ quan nhà nước không chứng minh được việc làm của mình là đúng thì Tòa sẽ ra phán quyết buộc cơ quan đó phải sửa chữa, khắc phục những vi phạm pháp luật. Như vậy, bản chất của việc giải quyết vụ án dân sự, kinh tế, lao động, hành chính là giải quyết mối quan hệ nội bộ trong nhân dân, bảo vệ các lợi ích cá nhân. Do vậy, thủ tục giải quyết vụ án dân sự, kinh tế, tranh chấp lao động, vụ án hành chính được tiến hành theo những cách thức cơ bản giống nhau. Do đó, dù bốn thủ tục tố tụng được quy định trong bốn văn bản khác nhau, độc lập với nhau nhưng nội dung bốn văn bản này cơ bản giống nhau, từ những quy định cung, thẩm quyền của Tòa án, các bên tham gia, thủ tục sơ thẩm, thủ tục phúc thẩm,... hay những quy định cụ thể nguyên tắc tiến hành tố tụng, thành phần Hội đồng xét xử, các điều kiện thụ lí vụ án, các biện pháp điều tra,... Như vậy, việc đặt ra bốn văn bản về thủ tục giải quyết bốn loại án dân sự, kinh tế, hành chính, lao động là không phù hợp về lí luận và không cần thiết về thực tế. Do đó, cần nghiên cứu đưa bốn loại hình vụ án này được quy định vào một văn bản thủ tục tố tụng chung. Tất nhiên, đối với những quy định đặc thù riêng của từng loại án sẽ có những chương điều chỉnh riêng. Việc quy định như vậy

cũng sẽ tạo ra cơ chế hoạt động đồng bộ hơn giữa các Tòa chuyên trách của hệ thống Tòa án nhân dân.

Ba là, một vấn đề quan trọng khác như đã phân tích ở trên từ những bất cập khi áp dụng tập quán pháp để tham gia điều chỉnh các quan hệ xã hội đặc biệt trong lĩnh vực dân sự, cần có một hệ thống giải pháp đồng bộ, trong đó có những giải pháp quan trọng như:

Thứ nhất, xây dựng các quy phạm pháp luật định nghĩa về tập quán, tập quán pháp. Cần phải xác định rõ tập quán là gì thì việc áp dụng tập quán mới có thể chính xác trong từng trường hợp. Tại điểm b tiêu mục 2.7 mục 2 Phần II Nghị quyết số 04/2005/NQ-HĐTP ngày 17/9/2005 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về chứng minh và chứng cứ cũng đã nêu định nghĩa về tập quán như sau: *“Tập quán là thói quen đã thành nếp trong đời sống xã hội, trong sản xuất và sinh hoạt thường ngày, được cộng đồng nơi có tập quán đó thừa nhận và làm theo như một quy ước chung của cộng đồng”*. Do đó, để xây dựng và hoàn thiện một hệ thống pháp luật đảm bảo tính minh bạch, việc đưa ra định nghĩa chính xác và thống nhất trong các văn bản là cần thiết. Có như vậy, việc xác định, áp dụng chúng mới chính xác, có cơ sở. Đồng thời, các định nghĩa sẽ làm căn cứ cho việc tập hợp các tập quán để hỗ trợ Nhà nước trong việc quản lý xã hội cũng như để vận động xóa bỏ. *Thứ hai*, Nhà nước cần thực hiện việc tập hợp các tập quán theo các tiêu chí cụ thể, theo từng loại việc, từng lĩnh vực. Đây không phải là việc dễ làm. Từ những năm 20 của thế kỷ XX, sau một thời gian dài cai trị các nước Đông Dương, do nhận thức được sự bất lực trong việc cai trị bằng pháp luật ở Tây Nguyên, người Pháp đã chuyển sang nghiên cứu luật tục và sử dụng chúng trong hoạt động xét xử. Nhà nước ta hiện nay chỉ dừng ở mức độ ban hành danh mục một số tập quán, phong tục lạc hậu nghiêm cấm vận dụng hoặc cần vận động xóa bỏ (ví dụ như tại Danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 32/2004/NĐ-CP ngày 27/3/2002 của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đối với các dân tộc thiểu số). Nhưng việc tập hợp các tập quán có nội dung phù hợp với việc điều chỉnh các quan hệ xã hội, xác định phạm vi tác động, giá trị áp dụng của các tập quán đó là điều cần thiết để tránh áp dụng tùy tiện hoặc bỏ sót. *Thứ ba*, việc lựa chọn Hội thẩm nhân dân trong tham gia Hội đồng xét xét trong các trường hợp giải quyết vụ việc dân sự có áp dụng tập quán. Việc tham gia là thành viên trong Hội đồng xét xử của Hội thẩm nhân dân có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm quyền và lợi ích của người dân. Nhưng đặc biệt đối với các vụ án có sự tham gia của những nhóm đối tượng đặc biệt như trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ bị bạo hành, người già,... thì Hội thẩm nhân dân thường cũng được lựa chọn từ những nhóm người phù hợp, như cán bộ Đoàn thanh niên, giáo viên, phụ nữ,... tương tự như vậy, trong việc xét xử dân sự, nếu có áp dụng tập quán, nên chăng chúng ta cũng lựa chọn những Hội thẩm có sự hiểu biết sâu sắc về các tập quán đó. *Thứ tư*, khác với pháp luật, tập quán cũng như đạo đức và các quy phạm xã hội khác không có cơ chế đảm bảo thực hiện bằng Nhà nước. Việc tập quán được thực hiện tốt hay không có ảnh hưởng một phần không nhỏ từ vai trò của cộng đồng, của người đứng đầu cộng đồng nơi tồn tại tập quán đó (già làng, trưởng bản, trưởng thôn...). Vì vậy, chúng ta cần phát huy vai trò của những nhân tố có ảnh hưởng tốt tới hiệu quả áp dụng tập quán để người dân tự nguyện thực hiện, thay vì để phát sinh tranh chấp lại phải quay lại tìm các tập quán đó giải quyết. Mặc dù pháp luật của chúng ta không có nhiều quy định cho phép áp dụng tập quán,

nhưng một khi Nhà nước đã thừa nhận, thì bản thân các tập quán đó trở thành tập quán pháp, trở thành pháp luật, chúng cần phải được đảm bảo thực hiện.

3. KẾT LUẬN

Quyền tiếp cận công lý mặc dù đã được nêu ra từ khá sớm trong lịch sử phát triển của nhân loại, gắn liền với sự hình thành của các quan niệm về quyền con người, là yếu tố cấu thành quyền sống, quyền tự do. Hệ thống pháp luật quốc tế và pháp luật của một số quốc gia trên thế giới đã ghi nhận quyền này từ rất sớm, tuy vậy nó chưa được định hình rõ nét trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay. Mặc dù vậy, quyền tiếp cận công lý luôn hiện hữu trong các quy định của pháp luật, dù dưới góc độ này hay góc độ kia. Từ khi hình thành đến nay, quyền tiếp cận công lý đang được nhìn nhận, mở rộng dưới tác động của sự phát triển xã hội nói chung và quyền con người nói riêng. Chính vì vậy, trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nghiên cứu để hoàn thiện và xây dựng pháp luật về quyền tiếp cận công lý thực sự là một trong những vấn đề của khoa học pháp lý quan trọng ở Việt Nam hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Benjamin Jowett & M.J. Knight (2008). *The Essential Plato, Plato chuyên khảo*. Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.
2. Từ điển Luật học (1999). Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa.
3. Henry Campbell Black M.A St.Paul, Minn (1983). *Black's Law Dictionary*. West Publishing Co.
4. Phạm Hồng Hải (2009). *Quyền tiếp cận công lý ở Việt Nam*. Tham luận tại Đại hội luật gia dân chủ thế giới tổ chức tại Việt Nam, tháng 9/2009.
5. Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) (2005). *Thành lập chương trình cho công lý: Tiếp cận đến tất cả. Hướng dẫn về tiếp cận quyền con người là nền tảng tiếp cận công lý (Programing for Justice: Access for All. A Practitioner's Guide to a Human Rights-Based Approach to Access to Justice)*.
6. Vũ Công Giao (2009). Tiếp cận công lý và các nguyên lý của nhà nước pháp quyền. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*, Luật học 25.
7. Đinh Thế Hưng (2010). Thực hiện quyền tư pháp nhằm đảm bảo quyền tiếp cận công lý trong nhà nước pháp quyền, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 5.
8. UNDP (2004). *Access to Justice - Practice Note*. UNDP. <https://www.undp.org/publications/access-justice-practice-note>.

NEW CONCEPTION ON ACCESS TO JUSTICE AND COMPLETE LAW ON GUARANTEEING ACCESS TO JUSTICE IN VIETNAM

Abstract: Justice and the right to access to justice are people's aspirations for democratic, civilized, progressive, and humane society. The history of the formation and development of human society has always raised the question of how to achieve justice when people encounter difficulties or fall into unfair treatment situations. The traditional right to access justice has some new features in the current period. From the perceptions of the right to access justice in the current context, a number of recommendations can be drawn to improve the relevant legal systems.

Keywords: Justice, access to justice.